CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản

Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

- Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2016.

- Thông tư số 123/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2014.

- Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2016. (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2016/TT-BTC).

- Thông tư số 123/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2019 (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 123/2018/TT-BTC).

dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.[2]

---

[2] - Thông tư số 13/2016/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về mội số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số Điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản".

- Thông tư số 123/2018/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[3]

Thông tư này hướng dẫn cấp bù lãi suất cho vay đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng[4]

Các ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng đóng mới tàu, nâng cấp tàu theo quy định tại Điểm b, Điểm đ, Điểm e Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất

Các ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

1.[5] *Thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo đúng quy định tại Điểm b, Điểm đ, Điểm e Khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 89/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

2.[6] *Các khoản cho vay được cấp bù lãi suất là các khoản cho vay đúng đối tượng, khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của pháp luật, bao gồm:*

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, Thông tư số 13/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản".

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC (Điều này đã được sửa đổi lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2016/TT-BTC).

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 13/2016/TT-BTC.

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2016/TT-BTC.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

a) Các khoản cho vay trong hạn, không bao gồm các khoản cho vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ không do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Các khoản cho vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm:

- Tàu bị thiên tai làm hư hỏng phải sửa chữa; tàu bị nước ngoài bắt, giam giữ;

- Tàu bị tàu khác đâm, va làm hư hỏng phải sửa chữa (không do lỗi của chủ tàu);

- Tàu đóng mới kém chất lượng, bị hư hỏng phải sửa chữa tàu dẫn đến không thể hoạt động khai thác thủy sản do lỗi của bên đóng tàu;

- Chủ tàu bị bệnh tật, bị tai nạn không có khả năng đi biển (trong trường hợp chủ tàu trực tiếp đi biển); chủ tàu chết, mất tích;

- Chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.[7] Các khoản cho vay bị quá hạn một phần dư nợ gốc thì khách hàng không được cấp bù lãi suất đối với phần dư nợ gốc bị quá hạn kể từ thời điểm phát sinh. Phần dư nợ gốc không bị quá hạn theo Hợp đồng tín dụng ký kết giữa ngân hàng và khách hàng thì tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

4.[8] Khoản vay được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do tàu đóng mới kém chất lượng, bị hư hỏng phải sửa chữa tàu dẫn đến không thể hoạt động khai thác thủy sản do lỗi của bên đóng tàu sẽ được hỗ trợ lãi suất trong thời gian sửa chữa tàu.

5.[9] Đối với trường hợp chuyển đổi chủ tàu theo quy định tại Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi chủ tàu, trường hợp chủ tàu không trả nợ đúng hạn và được cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì dư nợ gốc được cơ cấu lại sẽ được hỗ trợ lãi suất nhưng tối đa không quá 06 tháng. Sau khi thực hiện chuyển đổi tàu, chủ tàu mới tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất khi nhận bàn giao lại tàu và khoản nợ vay từ chủ tàu cũ nếu khoản vay đáp ứng được điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

---

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

[8] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

Điều 4. Mức lãi suất cấp bù

1.[10] Mức lãi suất cấp bù cho các ngân hàng thương mại.

a) Đối với năm đầu tiên (12 tháng), tính từ ngày giải ngân Khoản vay đầu tiên, chủ tàu được miễn lãi và chưa phải trả nợ gốc theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 89/2015/NĐ-CP: Mức lãi suất cấp bù là 7%/năm. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì mức lãi suất cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố;

b) Từ năm thứ 2 trở đi của hợp đồng tín dụng, mức lãi suất cấp bù là chênh lệch giữa lãi suất ngân hàng thương mại cho vay và lãi suất chủ tàu phải trả theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 89/2015/NĐ-CP. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì lãi suất cho vay làm căn cứ cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cho Bộ Tài chính mức lãi suất cho vay để làm căn cứ cấp bù lãi suất khi điều chỉnh lãi suất cho vay.

Điều 5. Thủ tục cấp bù lãi suất

1. Lập kế hoạch cấp bù lãi suất.

a) Các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất năm theo công thức sau:

$$\text{Số cấp bù trong năm kế hoạch} = \text{Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch} \times \text{Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm và dư nợ cuối năm kế hoạch;

- Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất cả năm kế hoạch (có chia ra từng quý) theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; gửi Bộ Tài chính (01 bộ), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 bộ) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 bộ) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước;

c) Riêng năm 2014, căn cứ tình hình thực hiện những tháng cuối năm, các ngân hàng thương mại tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để thực hiện tạm cấp bù lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 13/2016/TT-BTC.

2. Tạm cấp bù lãi suất hàng quý.

a) Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quý về tình hình thực hiện cho vay và văn bản đề nghị tạm cấp bù lãi suất quý của các ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện tạm cấp bù lãi suất.

b) Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong quý bằng 95% số tiền cấp bù lãi suất phát sinh quý trước.

3. Quyết toán cấp bù lãi suất.

a)[11] *Kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại xác định số tiền cấp bù chênh lệch lãi suất thực tế trong năm đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù, như sau:*

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản giải ngân được tính theo phương pháp tổng các tích số giữa mức lãi suất cấp bù với dư nợ cho vay tương ứng với số ngày dư nợ thực tế, theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản giải ngân} = \sum_{1}^{n} \text{Mức chênh lệch lãi suất cấp bù năm} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay cùng kỳ) với số ngày dư nợ thực tế}}{\text{365 ngày}}$$

Trong đó: Mức chênh lệch lãi suất cấp bù theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị %/năm; n là số ngày dư nợ trong kỳ được cấp bù chênh lệch lãi suất.

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản cho vay là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù cho tất cả các khoản giải ngân của khoản cho vay đó.

- Số tiền được cấp bù lãi suất là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù của tất cả các khoản cho vay thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b)[12] *Hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất.*

- Báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của từng khoản cho vay đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán Nhà nước theo Phụ lục 01/BC đính kèm Thông tư này.

- Công văn đề nghị Bộ Tài chính quyết toán cấp bù lãi suất trong đó số đề nghị quyết toán không vượt quá số liệu đã được cơ quan kiểm toán xác nhận.

- Các tài liệu (bản chính hoặc bản sao do ngân hàng thương mại đóng dấu sao y) bao gồm: hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định, chứng minh khách hàng thuộc đối tượng vay vốn đủ điều kiện được cấp bù lãi

---

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 123/2018/TT-BTC.

suất, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, thu nợ; bảng kê tích số để xác định số tiền cấp bù lãi suất; hợp đồng đóng mới, nâng cấp tàu. Các tài liệu này được ngân hàng thương mại lưu trữ tại trụ sở chính của ngân hàng để phục vụ cho công tác thẩm tra quyết toán trong trường hợp cần thiết.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ quyết toán và số liệu đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất.

c) Gửi văn bản đề nghị quyết toán.

Chậm nhất trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán và gửi Bộ Tài chính công văn đề nghị quyết toán, báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất.

a) Thực hiện thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất.

Bộ Tài chính tiến hành thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại và các ngân hàng thương mại chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Xử lý chênh lệch số liệu.

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số đề nghị quyết toán và số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì các ngân hàng thương mại thực hiện điều chỉnh trên sổ sách kế toán số quyết toán cấp bù lãi suất theo số liệu đã được Bộ Tài chính thẩm tra.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ra thông báo duyệt quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

- Trường hợp số ngân sách nhà nước đã tạm cấp bù lãi suất cho ngân hàng cao hơn số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính chuyển thành số tạm cấp của năm sau hoặc thu hồi nộp ngân sách nhà nước.

c) Xử lý trong trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích: Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, ngân hàng thương mại cho vay thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật đồng thời hoàn trả số tiền đã được ngân sách cấp bù lãi suất đối với số tiền cho vay đã bị sử dụng sai mục đích

(trong trường hợp ngân sách nhà nước đã cấp bù lãi suất) hoặc loại trừ số tiền cho vay đã sử dụng sai mục đích ra khỏi dư nợ cho vay đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù (trong trường hợp ngân sách nhà nước chưa cấp bù lãi suất).

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Đối với báo cáo quý.

Định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo), các ngân hàng thương mại gửi báo cáo quý về kết quả thực hiện cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Phụ lục 02/BC đính kèm Thông tư này.

2. Đối với báo cáo năm.

Định kỳ hàng năm (chậm nhất trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính), các ngân hàng thương mại gửi báo cáo năm về kết quả thực hiện cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Phụ lục 03/BC đính kèm Thông tư này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện[13]

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 31/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

---

[13] - Điều 3 Thông tư số 13/2016/TT-BTC quy định như sau:

"Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 3 năm 2016.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./."

- Điều 3 Thông tư số 123/2018/TT-BTC quy định như sau:

"Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng xảy ra từ thời điểm Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, khoản nợ được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư này."

- Điều 4 Thông tư số 123/2018/TT-BTC quy định như sau:

*"**Điều 4. Tổ chức thực hiện***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./."

NGÂN HÀNG.....

Phụ lục 01/BC

BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN CẤP BÙ LÃI SUẤT DO THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 114 /2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu năm	Phát sinh trong năm		Dư nợ cuối năm	Số tiền đề nghị được cấp bù lãi suất trong năm	Số tiền đã tạm cấp bù lãi suất trong năm	Số đã cấp bù lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền còn được cấp bù lãi suất trong năm
		Cho vay	Thu nợ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(7)-(8)
1.								
2.								
....								
Tổng số								

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG.....

Phụ lục 02/BC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY DO
THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP
Quý...../.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu quý	Phát sinh trong quý		Dư nợ cuối quý	Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong quý	Số tiền cấp bù lãi suất phát sinh trong quý	Số tiền cấp bù lãi suất bị thu hồi trong quý	
		Cho vay	Thu nợ				Số tiền	Lý do thu hồi
1.								
2.								
....								
Tổng số								

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu	Kiểm soát	Tổng giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

NGÂN HÀNG....

Phụ lục 03/BC

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY DO
THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP
Năm....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 114/2014/TT-BTC ngày 20/8/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu năm	Phát sinh trong năm		Dư nợ cuối năm	Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong năm	Số tiền cấp bù lãi suất phát sinh trong năm	Số tiền cấp bù lãi suất bị thu hồi trong năm	
		Cho vay	Thu nợ				Số tiền	Lý do thu hồi
1.								
2.								
....								
Tổng số								

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu	**Kiểm soát**	**Tổng giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng